

Số: ~~4167~~ /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2013

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 119/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 3111/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông sử dụng nguồn vốn nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 01 năm 2013 và Quyết định 1776/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Phương án cho thuê cảng quốc tế Cái Mép - Thị Vải;

Căn cứ văn bản số 16254/BTC-HCSN ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính về chi phí lậm quản cảng Cái Mép - Thị Vải;

Xét văn bản số 3717/CHHVN-QLKCHTCB ngày 22 tháng 10 năm 2013, văn bản số 4279/CHHVN-KHTC ngày 29 tháng 11 năm 2013, văn bản số 4288/CHHVN-CTHH ngày 29/11/2013 và văn bản số 4473/CHHVN-KHTC ngày 13/12/2013 của Cục Hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Bổ sung và điều chỉnh một số nội dung trong Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2013 ban hành tại Quyết định số 163/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 01 năm 2013 và Quyết định 1776/QĐ-BGTV ngày 26 tháng 6 năm 2013 (nội dung bổ sung và điều chỉnh chi tiết tại các Phụ lục 1 và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Các nội dung khác không có thay đổi thực hiện theo Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2013 ban hành tại Quyết định số 163/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 01 năm 2013 và Quyết định 1776/QĐ-BGTV ngày 26 tháng 6 năm 2013.

Điều 2.

1. Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2013 (bao gồm cả các nội dung đã bổ sung, điều chỉnh); thường xuyên kiểm tra, rà soát và đôn đốc thực hiện nhằm bảo đảm hiệu quả, chất lượng, tiến độ, khách quan, tiết kiệm và đúng quy định của pháp luật.

2. Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông chủ trì tổng hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong quá trình tổ chức thực hiện, kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2013 kịp thời, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

3. Vụ Tài chính căn cứ nội dung Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải 2013 đã được phê duyệt, điều chỉnh để tham mưu kịp thời cho Lãnh đạo Bộ thực hiện giao dự toán, điều chỉnh dự toán và điều chuyển kinh phí theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kết cấu hạ tầng giao thông, Tài chính, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc, Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước TW;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KCHT (5) Trung.



Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NẠO VẾT DUY TU LUÔNG HÀNG HẢI NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 467/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên luồng hàng hải	Chuẩn tắc dự kiến	Khu vực nạo vét	Khối lượng dự kiến (m3)	Kinh phí 2013 (tỷ đ)	Tiến độ thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
1	Hải Phòng	H=-7,2/-7,0/ -5,5m	Đoạn Lạch Huyện (từ khu vực cập phao 3,4 vào đến cập phao 13,14), Kênh Hà Nam, Bạch Đằng và Sông Cấm (chủ yếu ở khu vực 02 vũng quay tàu)	1,000,000.0	127.692	Tháng 6 đến Tháng 11	Ưu tiên 1	Điều chỉnh giảm kinh phí và thời gian phù hợp với thực tế thực hiện
2	Sài Gòn - Vũng Tàu	H=-8,5m	Nạo vét, duy tu mở rộng đoạn phao 58, Gành Rái, Dầm Xây, Kervella, Mũi L'est, Proponis, Đá Hòn, Navioil, phao 71-83, Vũng quay VQ1, VQ2	360,000.0	90.234	Tháng 8 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Điều chỉnh phù hợp với thực tế triển khai
3	Định An - Cần Thơ	H=-4,0m	Đoạn P0 - P12.	305,591	22.6	Tháng 6 đến Tháng 10	Ưu tiên 1	Điều chỉnh khối lượng, kinh phí và thời gian thực hiện
4	Hòn Gai - Cái Lân	H=-10,0/- 9,0	Đoạn ngoài từ phao số 5 đến phao 15 và đoạn trong từ khu vực	241,711.75 nạo vét đến chuẩn tắc thiết kế	86.752	Tháng 6 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Điều chỉnh khối lượng và thời gian theo văn bản số 11376/BGTVT-KCHT ngày 23/10/2013

đầu B12 đến hết bến 1 cảng Cái Lân (đạt chuẩn tác theo đúng định số 913/QĐ-CHHVN ngày 24/10/2012 của Cục Hàng hải Việt Nam)	Luồng từ khu vực đầu dẽ chắn sóng đến bến số 3, vũng quay tàu số 3 đạt -11m; mở rộng luồng vào bến số 1,2 đến -10,3m	H=-11.0	Km0-100 đến Km7+440 đạt 12m; Km7+440 đến Km37+500 đạt -13m	179,375	19,600	Tháng 6 đến Tháng 11	Ưu tiên 1	Điều chỉnh khối lượng, kinh phí và thời gian thực hiện phù hợp với kết quả khảo sát, lập hồ sơ phê duyệt và yêu cầu thực tiễn
Đà Nẵng				650,000.0	60.5	Tháng 8 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Điều chỉnh giám kinh phí do giảm khối lượng nạo vét và không sử dụng dự phòng
6 Vũng Tàu - Thị Vải		H=-12,0/ -13,0		160,000	47,1	Tháng 8 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Điều chỉnh do tăng khối lượng nạo vét.
7 Soài Rạp - Hiệp Phước		H=-8.5m	Thượng lưu P2+500 đến P2-900; Thượng lưu P8+200 đến P10	120,000.0	15,6	Tháng 6 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Điều chỉnh do tăng khối lượng và cự ly đổ đất.
8 Vũng Áng		H=-12	Khu vực cạn của vũng quay tàu	110,000.0	11,659	Tháng 9 đến Tháng 11	Ưu tiên 1	Điều chỉnh do khối lượng nạo vét giảm
9 Phà Rừng		H=-2.5	Từ khu vực phao 5,6 đến khu nước nhà máy đóng tàu Phà Rừng					

10	Thuận An	H=-3,6 (H=-4.5)	Khu vực cận ngoài cửa từ khu vực phao 1,2 đến phao số 6	80,000	11.815	Tháng 8/2013 đến Quý I/2014	Ưu tiên 2	Điều chỉnh thời gian thực hiện hoàn thành vào Quý I/2014 do ảnh hưởng của bão lũ năm 2013 nên không thi công được
11	Quy Nhơn	H=-10.5	Các vị trí cận theo TBHH	300,000.0	19,7	Tháng 9 đến Tháng 12	Ưu tiên 2	Điều chỉnh do tăng khối lượng theo kết quả khảo sát mới nhất
12	Sa Kỳ	H=-3.5	Từ khu vực phao 1,2 vào đến cảng	50,000	6.739	Tháng 7 đến Tháng 10	Ưu tiên 2	Điều chỉnh khối lượng, kinh phí và thời gian thực hiện cho phù hợp
13	Cửa Hội – Bến Thủy	H=-2.5	Khu vực cận ngoài cửa từ khu vực phao 1,2 đến phao 5,6	40,000.0	8.468	Tháng 8/2013 đến Quý I/2014	Ưu tiên 2	Chỉ thực hiện nạo vét đoạn cạn ở cửa sông Điều chỉnh thời gian thực hiện hoàn thành vào Quý I/2014 do ảnh hưởng của bão lũ năm 2013 nên không thi công được
14	Cửa Lò	H=-5.5	Từ hạ lưu cặp phao 1,2 khoảng 400m đến hết bên 1,2	280,000.0	18.706	Tháng 8 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Đã phê duyệt dự án nâng cấp tàu 10.000DWT nhưng chưa bố trí được vốn
15	Sông Dinh	H=-4,7/-5,8/ -7,0	Đầu luồng đến cảng Vietsovpetro: B=100m, H=-7,0m; Vietsovpetro đến cảng Vina Offshore+200: B=80m, H=-5,8m; Vina Offshore đến VQ: B=80m, H=-4,7m	150,000.0	8.557	Tháng 8 đến Tháng 12	Ưu tiên 1	Rà soát, kiến nghị với UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đề nghị bố trí vị trí đổ đất phù hợp hơn

16	An Thới								Bố trí thực hiện trong Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2014
----	---------	--	--	--	--	--	--	--	---

Ghi chú:

- Trong cùng một nhóm ưu tiên thì xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.
- Cục Hàng hải Việt Nam chủ động xem xét, phê duyệt cụ thể chuẩn tắc nạo vét, khối lượng nạo vét phù hợp với dự kiến kinh phí trong Kế hoạch bảo trì đã được phê duyệt.
- Chỉ thực hiện điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện sau khi Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải.

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH LÂM QUẢN BẾN CÁNG CÁI MÉP VÀ BẾN CÁNG THỊ VẢI NĂM 2013
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BGTVT ngày tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên hạng mục	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ bảo vệ bến cảng, container quốc tế Cái Mép và bến cảng tổng hợp Thị Vải	467.775.000 (tạm tính)	Quý IV/2013	Ưu tiên 1	Theo dự toán kinh phí Bộ Tài chính đã giao tại văn bản số 16254/BTC-HCSN ngày 25 tháng 11 năm 2013
2	Bảo hiểm thiết bị khai thác bến cảng container quốc tế Cái Mép và bến cảng tổng hợp Thị Vải	454.953.536 (tạm tính)	Quý IV/2013	Ưu tiên 1	Theo dự toán kinh phí Bộ Tài chính đã giao tại văn bản số 16254/BTC-HCSN ngày 25 tháng 11 năm 2013

Ghi chú:

- Trong cùng một nhóm ưu tiên thì xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.
- Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tổ chức thực hiện theo quy định.
- Chỉ thực hiện điều chỉnh kinh phí thực hiện sau khi Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải.